

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2019
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2020**

(NIÊN ĐỘ TỪ 01/07/2019 ĐẾN 30/06/2020)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		620.203.782.631	685.661.430.356
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	1	21.977.130.971	13.619.980.272
1. Tiền		111		21.977.130.971	13.619.980.272
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Kinh doanh chứng khoán		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		396.696.911.696	296.429.918.825
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	2.1	70.325.565.999	95.492.806.648
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	2.2	246.576.239.435	155.453.006.438
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Các khoản phải thu khác		136	3	94.050.143.834	59.558.121.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137	4	(14.255.037.572)	(14.074.016.032)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		195.738.074.593	369.945.376.247
1. Hàng tồn kho		141	5	196.301.647.097	370.508.948.751
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149		(563.572.504)	(563.572.504)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		5.791.665.371	5.666.155.012
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	6	5.791.665.371	5.666.155.012
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.602.762.191.701	1.442.048.728.434
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		13.350.024.989	13.350.024.989
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	3	13.350.024.989	13.350.024.989
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		1.038.997.875.082	975.085.690.099
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	1.008.272.217.878	944.020.380.587
<i>Nguyên giá</i>	222		2.628.494.618.128	2.432.903.972.815
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.620.222.400.250)	(1.488.883.592.228)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	30.725.657.204	31.065.309.512
<i>Nguyên giá</i>	228		41.498.657.235	41.498.657.235
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.773.000.031)	(10.433.347.723)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		261.580.579.936	156.482.008.212
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	261.580.579.936	156.482.008.212
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		254.258.143.534	261.713.373.290
1. Đầu tư vào công ty con	251		217.408.989.928	243.368.989.928
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	10	36.500.000.000	36.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.251.145.800	15.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(34.901.992.194)	(33.406.762.438)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		34.575.568.160	35.417.631.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6	33.105.568.160	35.417.631.844
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		1.470.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.222.965.974.332	2.127.710.158.790

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		702.795.249.250	633.462.180.583
I. Nợ ngắn hạn		310		611.595.573.041	573.794.561.570
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	11	134.930.909.369	60.341.468.105
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	12	10.745.492.683	5.982.248.299
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	13	13.810.421.392	14.134.029.382
4. Phải trả người lao động		314		14.024.292.608	9.622.518.783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	14	7.064.402.937	6.801.848.079
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		317	15	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319		11.222.012.061	12.332.384.234
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	16	418.867.015.964	433.390.212.075
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		931.026.027	31.189.852.613
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		91.199.676.209	59.667.619.013
1. Phải trả người bán dài hạn		331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
6. Phải trả dài hạn khác		337		41.523.260.093	9.288.905.093
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	17	3.470.000.000	1.916.641.667
8. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
9. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343	18	46.206.416.116	48.462.072.253

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.520.170.725.082	1.494.247.978.207
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.492.039.485.509	1.467.247.172.557
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(32.871.691.000)	(32.871.691.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		577.724.410.652	575.358.962.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.010.354.073	44.583.488.964
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		39.838.374.645	20.929.010.535
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.171.979.427	23.654.478.429
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí	430		28.131.239.573	27.000.805.650
1. Nguồn kinh phí	431	20	5.340.121.039	1.594.781.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	21	22.791.118.534	25.406.024.650
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.222.965.974.332	2.127.710.158.790

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Giai đoạn từ 1/7/2019 đến 30/6/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.835.907.555	28.502.499.731
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	131.678.460.330	125.021.136.845
- Các khoản dự phòng	03	1.676.251.296	5.317.768.306
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	181.423.018	(11.797.768)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.274.199.449)	(3.222.575.543)
- Chi phí lãi vay	06	27.270.801.980	38.974.103.004
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07	-	(5.000.000.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	191.368.644.730	189.581.134.575
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(92.382.782.027)	246.047.473.643
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	174.207.301.654	38.116.675.088
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(29.925.329.228)	(19.684.555.047)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.186.553.325	(6.578.388.990)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(30.322.008.210)	(38.683.204.717)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	5.143.674.215	(1.502.560.633)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	5.616.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.489.794.102)	(13.216.329.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	217.786.260.357	399.696.243.980
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(195.852.054.069)	(114.625.391.033)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	261.408.756	117.064.226
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(36.470.630.600)	(57.658.495.400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.470.630.600	57.658.495.400
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	25.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.168.967.065	2.965.676.625
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(195.421.678.248)	(111.542.650.182)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	597.585.979.403	1.003.811.215.562
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(611.579.192.181)	(1.246.220.325.980)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.218.632)	(42.049.710.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.007.431.410)	(284.458.820.853)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.357.150.699	3.694.772.945
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.619.980.272	9.925.207.327
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	21.977.130.971	13.619.980.272

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu



Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 05 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	20 – 50
Phần mềm quản lý	05 - 08

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trong kỳ hoạt động từ 01/07/2019 đến 30/06/2020, Công ty không thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:

Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ”.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Căn cứ Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (được bổ sung theo khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015), Công ty thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía (sản phẩm trồng trọt trong lĩnh vực nông nghiệp) trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	252.843.555	128.878.355
Tiền gửi ngân hàng	21.724.287.416	13.491.101.917
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	21.977.130.971	13.619.980.272

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Miền Trung	19.284.898.500	6.552.000.000
Công ty TNHH Kodeli	1.065.466.500	2.054.739.750
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Bắc Ninh	29.266.075.125	69.782.947.500
Công ty TNHH TM & XNK Lam Sơn	2.511.438.306	5.178.342.118
Các khoản phải thu khách hàng khác	18.197.687.568	11.924.806.648
Cộng	70.325.565.999	95.492.806.648

2.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại XNNL	147.923.730.439	139.719.083.106
Trả trước cho người bán tại VPCT	98.652.508.996	15.733.923.332
Cộng	246.576.239.435	155.453.006.438

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	12.885.785.850	-
Công ty TNHH TT NC & PT Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn	23.444.838.329	17.671.743.386
Công ty CP NCN DVTM Vân Sơn	25.706.643.534	24.433.091.546
Công ty CP rượu Việt Nam – Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306
Tạm ứng	6.673.199.119	1.389.554.831
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	2.583.790.670	3.573.880.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.075.880	56.952.000
Phải thu chuyển nhượng cổ phần	7.960.000.000	-
Các khoản phải thu khác	6.234.750.146	3.928.839.702
Cộng	94.050.143.834	59.558.121.771

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Nông Công nghiệp Dịch vụ	13.350.024.989	13.350.024.989
Thương mại Vân Sơn		
Cộng	13.350.024.989	13.350.024.989

4. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	14.074.016.032	13.621.462.182
Dự phòng trích lập trong năm	181.021.540	452.553.850
Số cuối năm	14.255.037.572	14.074.016.032

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	308.108.899	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.371.585.642	17.264.823.168
Công cụ, dụng cụ	1.207.333.101	694.342.972
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.228.797.194	10.155.501.637
Thành phẩm	122.377.011.954	320.302.305.255
Hàng hóa	40.388.925.834	22.091.975.719
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(563.572.504)	(563.572.504)
Cộng	195.738.074.593	369.945.376.247

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ nông dân vụ 2019/2020	-	4.781.328.308
Chi phí khác	5.791.665.371	884.826.704
Cộng	5.791.665.371	5.666.155.012

Dài hạn	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí trả trước dài hạn khác	35.417.631.844	-	842.063.684	34.575.568.160
Cộng	35.417.631.844	-	842.063.684	34.575.568.160

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	491.489.809.991	1.868.566.005.245	51.821.000.843	20.493.766.738	533.389.998	2.432.903.972.815
Tăng trong kỳ	15.864.347.236	179.396.706.833	591.000.000	-	-	195.852.054.069
Mua sắm mới	-	179.396.706.833	591.000.000	-	-	179.987.706.833
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.864.347.236	-	-	-	-	15.864.347.236
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	261.408.756	-	-	-	-
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	261.408.756	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	507.354.157.227	2.047.701.303.322	52.412.000.843	20.493.766.738	533.389.998	2.628.494.618.128
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	257.219.896.760	1.165.123.101.943	46.121.324.650	20.043.393.849	375.875.026	1.448.883.592.228
Tăng trong kỳ	17.962.759.983	111.994.982.326	1.431.286.960	156.785.470	15.037.314	131.560.852.053
Khấu hao trong kỳ	17.962.759.983	111.994.982.326	1.431.286.960	156.785.470	15.037.314	131.560.852.053
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ PL	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	222.044.031	-	-	-	222.044.031
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	222.044.031	-	-	-	222.044.031
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	275.182.656.743	1.276.896.040.238	47.552.611.610	20.200.179.319	390.912.340	1.620.222.400.250
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	234.269.913.231	703.442.903.302	5.699.676.193	450.372.889	157.514.972	944.020.380.587
Số cuối kỳ	232.171.500.484	770.805.263.084	4.859.389.233	293.587.417	142.477.660	1.008.272.217.878

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.195.577.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Tăng trong kỳ do mua sắm	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Số cuối kỳ	32.195.577.517	9.303.079.718	41.498.657.235
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.277.028.000	9.156.319.723	10.433.347.723
Tăng trong kỳ do khấu hao	285.532.308	54.120.000	339.652.308
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	1.562.560.308	9.210.439.723	10.773.000.031
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	30.918.549.517	146.759.995	31.065.309.512
Số cuối kỳ	30.633.017.209	92.639.995	30.725.657.204

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ GIANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự án trung tâm công nghệ cao Lam Sơn	30.366.333.204	30.366.333.204
Dự án đầu tư công viên sinh thái tre, luồng Thanh Tam	134.301.785.525	99.797.693.506
Dự án nhà máy chế biến sữa gạo	30.597.643.397	-
Dự án Trầm Hương	8.542.424.462	8.325.864.612
Dự án khác	57.772.393.348	17.992.116.890
Cộng	261.580.579.936	156.482.008.212

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con	217.408.989.928	243.368.989.928
Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	8.300.000.000	8.300.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống	-	25.960.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	13.950.000.000	13.950.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	21.396.593.886	21.396.593.886
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn	11.400.000.000	11.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước	13.500.000.000	13.500.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Thương mại và XNK Lam Sơn</i>	9.862.396.042	9.862.396.042
<i>Công ty TNHH Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn</i>	139.000.000.000	139.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	36.500.000.000	36.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển</i>	21.500.000.000	21.500.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân</i>	15.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.251.145.800	15.251.145.800
<i>Tổng Công ty Mía đường I</i>	2.974.645.800	2.974.645.800
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà</i>	2.276.500.000	2.276.500.000
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(34.901.992.194)	(33.406.762.438)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tại XNNL	47.502.389.888	37.108.619.255
Phải trả nhà cung cấp tại VPCT	86.314.861.634	21.546.236.021
Phải trả nhà cung cấp tại Nhà máy Gạch	1.113.658.347	1.686.612.874
Cộng	134.930.909.369	60.341.468.105

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Toàn Lộc	-	4.171.877.178
Công ty TNHH Đức Thành	385.165.850	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	10.360.326.833	1.810.371.121
Cộng	10.745.492.683	5.982.248.299

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	8.289.851.881	7.936.396.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.520.569.511	4.749.377.605
Các loại thuế khác	-	1.448.254.947
Cộng	13.810.421.392	14.134.029.382

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống, sản phẩm rau củ quả, dịch vụ cơ giới nông nghiệp	Không chịu thuế
Đường, mật ri	5%
Cồn, điện	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2019/2020:

	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.835.907.555
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
Chi phí của các nhà máy tạm dừng sản xuất (NM cồn, NM gạch Bá Thước)	3.453.907.940
Các khoản phạt	676.582.338
Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	611.700.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	181.423.018
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	37.759.520.851
Thuế TNDN hiện hành	5.663.928.128
Thuế TNDN năm trước	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	32.095.592.723

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả	7.064.402.937	6.801.848.079
Cộng	7.064.402.937	6.801.848.079

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	1.607.694.268	1.333.914.433
Kinh phí công đoàn	1.847.733.346	1.993.515.942
Hoàn ứng	287.999.202	786.452.837
Tiền thưởng vượt KH lợi nhuận	-	2.234.355.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản phải trả khác	7.478.585.245	5.984.146.022
Cộng	11.222.012.061	12.332.384.234

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay tổ chức khác	-	2.000.000.000
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	416.950.390.964	427.556.878.743
Vay dài hạn đến hạn trả	1.916.625.000	3.833.333.333
Cộng	418.867.015.964	433.390.212.075

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ dài hạn	3.470.000.000	1.916.641.667
Cộng	3.470.000.000	1.916.641.667

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền trả /giảm khác	Số cuối kỳ
Vay Ngân hàng ACB	1.916.641.667	-	1.916.641.667	-
Vay đối tượng khác	-	3.470.000.000	-	3.470.000.000
Cộng	1.916.641.667	3.470.000.000	1.916.641.667	3.470.000.000

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	46.206.416.116	48.462.072.253
Cộng	46.206.416.116	48.462.072.253

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	572.501.336.375	73.541.322.153	1.493.347.379.312
Tăng vốn trong năm			-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm					23.654.478.429	23.654.478.429
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.857.626.434)	(2.857.626.434)
Trích lập các quỹ				2.857.626.434	(2.857.626.434)	-
Chia cổ tức năm nay					(46.896.465.000)	(46.896.465.000)
Các khoản khác					(593.750)	(593.750)
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	44.583.488.964	1.467.247.172.557
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	575.358.962.809	44.583.488.964	1.467.247.172.557
Tăng vốn trong năm					-	-
Lợi nhuận trong năm trước					-	-
Lợi nhuận các năm nay					27.171.979.427	27.171.979.427
Trích lập quỹ đầu tư phát triển				2.365.447.843	(2.365.447.843)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.365.447.843)	(2.365.447.843)
Chia cổ tức năm trước					-	-
Chia cổ tức năm nay					-	-
Các khoản khác					(14.218.632)	(14.218.632)
Số dư cuối kỳ	700.000.000.000	180.176.411.784	(32.871.691.000)	577.724.410.652	67.010.354.073	1.492.039.485.509

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Cộng	880.176.411.784	880.176.411.784

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	3.005.050	3.005.050
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.994.950	66.994.950
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>66.994.950</i>	<i>66.994.950</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

20. NGUỒN KINH PHÍ

Số đầu năm	1.594.781.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	13.385.081.000
Chi sự nghiệp	(11.790.300.000)
Số cuối kỳ	5.340.121.039

21. NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TSCĐ

Số đầu năm	25.406.024.650
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	(2.614.906.116)
Số cuối kỳ	22.791.118.534

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NĂM TÀI CHÍNH 2019/2020:****22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Giai đoạn 01/07/2019 đến 30/06/2020	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.513.085.441.204	1.386.724.941.891
Doanh thu bán hàng hóa	448.197.443.71	310.771.17.619
Doanh thu bán thành phẩm	1.052.781.313.077	1.031.565.346.811
Doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	12.106.684.414	44.388.447.461
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	689.964.338	(8.156.510.000)
Doanh thu thuần	1.512.395.476.866	1.378.568.431.891
Doanh thu bán hàng hóa	448.197.443.71	310.771.147.619
Doanh thu bán thành phẩm	1.052.091.348.739	1.023.408.836.811
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.106.684.414	44.388.447.461

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Giai đoạn 01/07/2019 đến 30/06/2020	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	210.082.901.791	315.720.538.223
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	991.072.816.795	889.173.729.345
Giá vốn của hàng bán khác	171.192.023.963	42.659.473.918
Cộng	1.372.347.742.549	1.247.553.741.486

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn 01/07/2019 đến 30/06/2020	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.640.442.330	2.965.676.625
Lãi chênh lệch tỷ hối đoái	258.377.622	11.797.768
Lãi đầu tư trái phiếu	1.660.500.000	-
Cộng	3.559.319.952	2.977.474.393

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**Giai đoạn 01/07/2019 đến 30/06/2020**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	28.549.757.790	38.974.103.004
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	1.495.229.756	4.865.214.156
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư dài hạn	3.000.000.000	-
Chi phí tài chính khác	788.389.843	204.375.481
Cộng	33.833.377.389	44.043.692.641

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Giai đoạn 01/07/2019 đến 30/06/2020	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	4.980.039.610	6.072.142.737
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.343.676.463	2.226.340.295
Chi phí vận chuyển	12.645.042.255	7.742.079.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.521.937.250	8.393.218.510
Chi phí bằng tiền khác	6.635.728.306	5.782.976.986
Cộng	35.126.423.884	30.216.758.359

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Giai đoạn 01/07/2019 đến 30/06/2020	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	15.837.807.944	12.876.569.435
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	4.697.782.410	4.738.018.808
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.347.392.056	10.176.155.815
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.116.643.926	(744.390.281)
Cộng	36.999.626.336	27.046.353.777

28. THU NHẬP KHÁC

	Giai đoạn 01/07/2019 đến 30/06/2020	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản cố định	39.364.725	256.898.918
Thu nhập khác	65.867.659	309.274.452
Cộng	105.232.384	566.173.370

29. CHI PHÍ KHÁC**Giai đoạn 01/07/2019 đến 30/06/2020**

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao và kiểm tu của tài sản cố định tạm dừng sản xuất		2.699.442.942
Chi phí khác	(85.899.355)	2.049.590.718
Cộng	(85.899.355)	(4.182.860.290)

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019-2020	32.095.592.723
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	66.994.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	479

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	66.994.950
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	66.994.950

VII – NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>		
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		30/06/2020	01/07/2019
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	27,9	32,23
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	72,1	67,77
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,62	29,77
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,38	70,23

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/3/2020	01/07/2019
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,16	3,36
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,19
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,01	0,02
Tỷ suất sinh lời từ 01/07 đến 31/03:		Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	2,17	0,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	1,80	0,68
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	2,17	0,82
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	1,80	0,68
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,48	0,12
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,22	0,25
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	1,79	0,38

2. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2019 đến 30/06/2020, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là 1.512.395.476.866 đồng; Trong đó doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm sau đường là 1.494.851.548.342 đồng chiếm tỷ trọng 98,8% ; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 1,2 % trên tổng doanh thu. Do đó, Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong kỳ từ 01/07/2019 - 30/6/2020, Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/07/2019 đến 30/06/2020
Giao dịch mua hàng		
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	28.863.282.178
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	Công ty con	2.676.382.520
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	215.148.240
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	419.455.476

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Giao dịch bán hàng**

Công ty TNHH TMXNK Lam Sơn	Công ty con	181.698.869.633
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	15.642.275.498

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho người bán			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	4.634.278.861	4.854.503.782
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng	Công ty con	2.791.654.932	-
Phải trả người bán			
Công ty CP Phân bón Lam Sơn	Công ty con	28.863.282.178	4.188.226.045
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Bá Thước	Công ty con	4.571.779.807	4.989.175.000
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Công ty con	1.754.503.843	13.884.076.171
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	25.242.404.395	11.083.066.557
Công ty TNHH NN CNC Lam Sơn	Công ty con	23.444.838.329	17.671.743.386
Phải thu dài hạn khác			
Công ty TNHH TP CNC Tâm Phú Hưng	Công ty con	13.350.024.989	13.350.024.989

4. Giải trình biến động lợi nhuận so với cùng kỳ:

Lợi nhuận sau thuế năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020 (Giai đoạn từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020) đạt 27.171.979.427 đồng, tăng so với cùng kỳ năm 2018/2019.

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/07 đến 30/06		
		Năm nay(đ)	Năm trước(đ)	Tăng giảm(%)
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.512.395.476.866	1.378.568.431.891	9,71
2	Giá vốn hàng bán	1.372.347.742.549	1.247.553.741.486	10
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	140.047.734.317	131.014.690.405	6,89
4	Doanh thu hoạt động tài chính	3.559.319.952	2.977.474.393	19,54
5	Chi phí bán hàng	35.126.423.884	30.216.758.359	16,25
6	Thu nhập khác	105.232.384	566.173.370	(81,41)
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.835.907.555	28.502.499.731	15,2

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2019 đến 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên nhân :

Lợi nhuận kế toán trước thuế quý IV năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2020 đạt 13.959 triệu đồng, giảm 34% so với cùng kỳ quý IV năm 2018/2019. Tuy nhiên, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của cả năm tài chính 2019/2020 thì tăng hơn 15% so với cùng kỳ, do sự tăng trưởng của một số chỉ tiêu sau:

Doanh thu và giá vốn năm nay đều tăng 9% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng hơn 19,5% và chi phí bán hàng cũng tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước.

Lập ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người lập biểu

Lê Thu Thủy

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hà

Tổng giám đốc



Lê Văn Tân